

**KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ
VĂN THÙ SỰ LỢI BỒ TÁT CÚNG DƯỜNG NGHI QUÝ
MỘT QUYẾN**

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực áp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Án, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Đồng Chân Diệu Cát Tường** (Mamju'srì-kumàra-bhùta)

Ta y **Du Già** (Yoga) nói niệm tụng

Thân Miệng Ý Kim Cương, niệm

Ba Mật thâm sâu của Như Lai

Hành Giả nêu phát **Tâm Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-citta)

Theo Thầy ứng nhận **Kim Cương Giới** (Vajra-dhàtu)

Chẳng tiếc thân mạng, khởi Từ Bi

Mới có thể vào **Luân giải thoát** (Vimokṣa-cakra)

_ Nên theo Thầy nhận **Tam Ma Gia** (Samaya)

Khế Án (Mudra), **Mật Ngữ** (Guhya-vac) như **Kinh** (Sūtra) nói

Kính A Xà Lê (Ācārye), tưởng như Phật

Đối với đồng học, Tâm ân trọng

_ Hoặc ở sườn núi, A Lan Nhã (Araṇya)

Sông, suối, ao tắm, cây đẹp ý

Ngọn núi, hang đá, đất bên cây

Dựng lập **Đạo Trường** (Maṇḍala) như Bản Pháp

_ Trang nghiêm Tinh Thất, đặt Bản Tôn

Tuỳ sức cúng dường, một lòng trung

Quán khắp biển chư Phật muời phương

Cúng dường, lễ chân các Như Lai

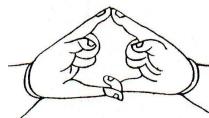
Vì thành ba Nghiệp Kim Cương, nên

Nên ở trong hai tay, lưỡi, tim

Nên tưởng chày Kim Cương **Ngũ Trí**

Do đây gia trì đều **Tất Địa** (Siddhi)

_ Tiếp nén kết Khế, tên **Cánh Giác**
 Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
 Đàm Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Trụ cạnh hai ngón, thành Giác Ngộ



Cánh Giác Chân Ngôn là:
 “**An, phật nhật-lỗ để sất-xá**”
ॐ वज्रा तिष्ठ
 OM – VAJRA TIṢṬA

_ Kính lẽ Đông Phương A Súc Tôn (Akṣobhya)
 Xả thân cầu thỉnh **Bất Thoái Chuyển**
 Toàn thân sát đất, dùng tim lẽ
 Kim Cương Hợp Chuồng duỗi trên đỉnh



Xả Thân Cầu Thỉnh Gia Trì Chân Ngôn là:
 “**An, tát phật đát tha nghiệt đa** (1) **bố** **tổ**, **bả** **tát-tha** **năng** **dạ** **đát-ma** **nam** (2)
ninh **lý**-**dã** **đa** **dạ** **minh** (3) **tát** **phật** **đát** **tha** **nghiệt** **đa**, **phật** **nhật**-**la** **tát** **đát**-**phật** **địa**
sắt-xá **sa-phật** **hàm**”

ॐ सर्वात्मगत पुजा पश्वनाय शशनं अम्बर धर्मे शश गणग वज्रा
सर्वात्मगत

OM – SARVA TATHĀGATA PŪJA PASVANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA
 YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAM

(Trong trái tim, tưởng chữ **Hồng** (吽: HÙM) màu xanh)

_ Tiếp nén kính lẽ **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-samṛbhava)
 Xả thân cầu thỉnh **Quán Đỉnh Vị**
 Kim Cương Hợp Chuồng ngang trái tim
 Đặt trán sát đất, chân thành lẽ



Xả Thân Cầu Thỉnh Quán Đỉnh Chân Ngôn là:

“An, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nhạ tỳ sai ca đa-ma nam (2) ninh lý-dã
đa dạ minh (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la, la đát-nắng tỳ săn tǎ
hàm”

ॐ सर्व तथागता पूजा अभिषाक अत्मनं निरयाता
यामि सर्व तथागता वज्रारत्ना अभिशिम्चा माम्

(Ở trán, tưởng chữ **đát-lạc** (ঢাল: TRÀH) màu vàng)

_ Tiếp lẽ **Quán Tự Tại Vương Tôn** (Avalokite'svara-rāja)

Xả thân cầu thỉnh **Tam Ma Địa**

Kim Cương Hợp Chuồng để trên đỉnh

Đặt miệng sát đất, chân thành lẽ



Xả Thân Cầu Thỉnh Tam Muội Chân Ngôn là:

“An, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nhạ, bát-la vạt đát nắng dạ đa-ma nam
(2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la đạt ma,
bát-la vạt đát dã, hàm (5)”

ॐ सर्व तथागता पूजा प्रवर्त्तनाया अत्मनं निरयाता
यामि सर्व तथागता वज्रधर्मा प्रवर्त्तया माम्

(Ở miệng, tưởng chữ **Hột-lý** (হোলি: HRÌH) màu đỏ)

_ Tiếp lẽ **Bát Không Thành Tựu Tôn** (Amogha-siddhi)

Xả thân cầu thỉnh **Thiện Xảo Trí**

Kim Cương Hợp Chuồng an ở tim
Đặt đinh sát đất, cùi đầu lẽ



Xả Thân Cầu Thỉnh Phuong Tiện Chân Ngôn là:

“**An, tát phộc đát tha nghiệt đà** (1) bố nhạ yết ma nê, a đà-ma nam (2) ninh lý-dã đà dã minh (3) tát phộc đát tha nghiệt đà (4) phộc nhật-la yết ma, củ lõ, hàm (5)”

ॐ सर्व तथागत पूज कर्मनि अमानं निर्याता यामि
— SARVA TATHĀGATA PŪJA KARMAṄI ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI

— SARVA TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU MAM

(Tưởng đinh đầu có chữ **Ae** (ऐ_AH) màu xanh lục)

_ Tiếp lại kính lẽ mười phương Phật
Tưởng thân ở khắp trước chư Phật
Quán tưởng năm Luân (5 vóc) sát đất lẽ
Thường kết **Kim Cương Tam Ma Gia**



Biến Lễ Thập Phương Chân Ngôn là:

“**An, tát phộc đát tha nghiệt đà** (1) ca dã, phộc, chỉ-túc đà (2) phộc nhật-la bát-la noa mai (3) phộc nhật-la mãn na nam, ca lô minh (4) An, phộc nhật-la vĩ (hoặc hô là vật)

ॐ सर्व तथागत काया वाक् चित्ता वज्रा प्राणनामं—
OM – SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA – VAJRA PRAṄANĀM –
VAJRA VANDANĀM KARA UMI – OM VAJRA VIH.

_ Tiếp tụng **Thành Tựu Diệu Chân Ngôn**
Hết thảy chúng sinh cầu Thắng Sư
Nguyên chư Như Lai đều gia trì

Mau khiến thành tựu Đao vô thượng

Thành Tựu Nhất Thiết Chúng Sinh Chân Ngôn là:

“An, tát phộc đát tha nghiệt đà (10) hướng tất-đá (2) tát phộc tát đát-phộc nam (3) tát phộc tất đà dược (4) tam bả cực đam (5) đát tha nghiệt đà thất-giả (6) địa đế bi-trán đam (7)”

ਉਂ ਸਵੇਰਾਗ ਸੰਸਕ੍ਰਿਤ ਸਵੇਰਾਗ ਸਵੇਰਾਗ ਅਵਧੀ ਸੰਪਦਕੁਨ੍ਠ ਗਲਗਾਗ ਅਥ
ਏਤਵਾਂ

OM – SARVA TATHÀGATA ‘SAMSIH – SARVA SATVÀNÀM SARVA SIDDHAYAH, SAMPADYATNÀM, TATHÀGATA’SCA ADHITISTANÀ

_ Tiếp nêu Kiết Giả, ngồi thẳng thân

Tinh trừ ba Nghiệp khiến trong sách

Bản Tính các Pháp vốn trong sách

Khiến Ta, thân này sạch, không dơ

Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn là:

“An, sa-phộc bà phộc, thuật đà (1) tát phộc đạt ma (2) sa-phộc bà phộc, thuật độ hàm”

ਤੁ ਸਨਾਵ ਸੀਵ ਸਵ ਪਥ ਸਨਾਵ ਸੀਵਕ

OM – SVABHÀVA 'SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA 'SUDDHA
UHÀM

_ Tiếp kết Văn Thù Tam Ma Gia

Mười ngón cài nhau thành trăng đầy

Duỗi thẳng Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) **Kim Cương Kiếm** (cây kiếm Kim Cương)

Tưởng thân ngang đồng Diệu Cát Tường (Mamju'sri)



Tam Muội Gia Chân Ngôn là:

“An, phôc nhât-la để khất-xoa-ninh, tam ma gia, tát-dát-pham”

ଏହା ଶ୍ରୀକୃଷ୍ଣ ମମଦ୍ୟ

OM – VAJRA-TÌKSNA SAMAYA STVAM

_ Tiếp Kim Cương Hợp Chuồng, mươi ngón giao phần đầu.



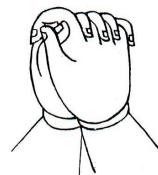
Tụng Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-lãng, nhạ lý”

ॐ वज्राम्जलि

OM – VAJRĀMJĀLI

_ Giao sâu các ngón, nắm quyền xong, thành Kim Cương Phộc.



Tụng Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la mãn đà”

ॐ वज्रबन्ध

OM – VAJRA BANDHA.

_ Tiếp nén mở Tâm vào Phật Trí

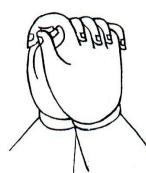
Nên ở hai vú, tưởng hai chữ

Chữ Đát-la (ဋ_ TRÀ) Tra (ဏ_ T) đều màu trắng

Chữ ấy tưởng làm hai cánh cửa

Hai tay nén kết Kim Cương Phộc

Võ tim ba lần, mở cửa nhà



Khai Tâm Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra”

ॐ वज्रबन्ध ट्रट

OM _ VAJRA BANDHA TRĀṬ

_ Nên quán Diệu Liên (sen màu nhiệm), A Tự Môn (អ)

Dùng Ấm triệu vào ở điện tim

Định Tuệ (2 tay) làm trăng, Kim Cương Phộc
Thiền Trí (2 ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay), tưởng chữ vào



Kim Cương Nhập Tự Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la, phê xả, ác”

ॐ वज्राविसा अः

OM – VAJRA AVI'SA – AH

_ Tiếp nén kết **Môn Tâm Hộ Án**

Như Tiêu xí của Nhập ấn trước

Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) ngay trên Thiền Trí (2 ngón cái)

Liền được Bất Thoái Chuyển bền chắc



Kim Cương Quyền Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la mẫu sát-tông, hàm”

ॐ वज्रमुष्टि अः

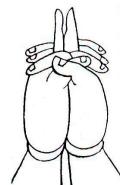
OM – VAJRA-MUŞTI – VAM

_ Tiếp kết **Phổ Hiền Tam Ma Gia**

Thể đồng **Tát Đôả Kim Cương** (Satva-vajra) nén

Định Tuệ (2 tay) hoà hợp Kim Cương Phộc

Hai độ Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) dựng như phuướng



Vừa tụng **Bản Thệ Án Chân Ngôn**

Thân ở vành trăng đồng **Tát Đôả** (Satva)

Tam Ma Gia Chân Ngôn là:

“Án, phật nhât-la tam ma dã, sa-đát-tông”

ॐ वज्रा समया स्तवम्

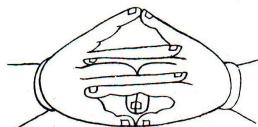
OM – VAJRA-SAMAYA STVAM

_ Tiếp kết **Cực Hỷ Tam Muội Gia**

Định Tuệ (2 tay) làm trăng, Kiên Cố Phật

Nhẫn Nhực, Nguyện độ (2 ngón giữa) giao hợp giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

“Án, tam ma dã, hộc, tố la đa, sa-đát-tông”

ॐ समया होह सुराता स्तवम्

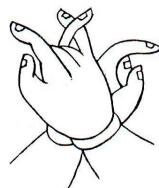
OM – SAMAYA HOH SURATA STVAM

_ Tiếp kết **Kim Cương Giáng Tam Thế** (Vajra-trailokya-vijaya)

Tưởng thân tương đồng không sai khác

Hai tay Chỉ Quán, Kim Cương Quyền

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)



Chuyển trái Tịch Trù, phải Kết Giới

Tâm Bi hiện bày hình uy nô

Giáng Tam Thế Chân Ngôn là:

“Án, tốn bà ninh, tốn bà hồng, ngật-lý hận-noa, ngật-lý hận-noa, hồng ngật-lý hấn-noa bá dã, hồng, a năng dã, hộc, bà nga tông, phật nhật-la, hồng phát tra”.

ॐ शुभ निशुभ हृषीहृषी हृषीपय ऽस्मद्य ऋग्य वज्रा हृषी

OM SUMBHA NISUMBHA HÙM _GRHNNA GRHNNA HÙM _ GRHNNA PAYA HÙM_ÀNAYA HOH BHAGAVAM VAJRA HÙM PHAT.

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tam Ma Gia**

Vì khiến **Quán Hạnh** thành tựu, nên
Mười ngón cài chéo, làm mặt trăng
Thiền Trí (2 ngón cái), Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

“**Án , phật nhât-la, bả na-ma, tam ma dã, sa-đát-tông ”**

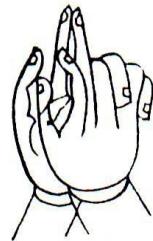
ॐ ଦ୍ଵାରା ପଦ୍ମ ସମୟ ଶୁଣ

OM – VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

_ Tiếp kết **Triệu Tập Chư Tội Án**

Hai tay Định Tuệ, Kim Cương Phật

Hai độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) dựng như ngọn
Tiến Lực (2 ngón trỏ) như câu (móc câu) triệu ba lần



Triệu Tội Chân Ngôn là:

“**Án, tát phật bá bả, yết-la noa (1) vĩ thú đà nǎng (2) phật nhât-la tát đát-phật (3) tam ma dã, hồng (4) ”**

ॐ ସର୍ବ ପାପ ଅକରସାନା ବାଜରାସତବା ସମୟ ହୁମ୍ ଫତ୍

OM - SARVA PĀPA AKARSANA VAJRASATVA SAMAYA – HŪM PHAT

_ Tiếp kết **Kim Cương Tội Tội Án**

Hai tay hoà hợp, cài bên trong

Hai độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) dựng như phuướng
Một tụng Chân Ngôn, một đậm vỗ



Tự tưởng các nghiệp tội vô thuỷ
Phần lớn đen xoắn như hình Quỷ
Tụng Tội Tội Diệu Chân Ngôn ấy
Dùng Án đậm vỗ, khiến tiêu diệt

“**Ān, phộc nhật-la bá nê** (1) vĩ tát-bố tra dã (2) tát phộc bá dã mān đà nāng
ninh (3) bát-la mô khất-sái dã (4) tát phộc bá dã nghiệt đế tỳ-dược (5) tát phộc tát
đát-tông (6) tát phộc đát tha nghiệt đà (7) phộc nhật-la tam ma dã, hōng, đát-la
tra (8)”

ॐ वज्रपाणि विश्पोतया सर्वा पापा बन्धनानी
प्रमोक्षाया सर्वा पायगतेभ्याह सर्वा सत्वा – सर्वा
तथागता वज्रा समाया हुम् त्रात् .

_ Hành Giả muốn vào **Kim Cương Định**

Trước trụ **Diệu Quán Sát Trí Án**

Hai tay Định Tuệ, ngửa cài nhau

Tiến (ngón trỏ trái) Thiền (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ phải) Trí (ngón cái phải)
đều trụ nhau



Dùng Diệu Án này tu **Đẳng Dẫn** (Samàhita: Tính của Tâm chuyên chú tại Định)
Liền được **Như Lai Bất Động Trí**

_ Hành Giả tiếp theo, nhập vào **Vi Tế Kim Cương Quán**. Nên quán hơi thở ra
vào, trắng như màu sữa, ngay đầu mũi của mình có ánh sáng trong trắng tinh khiết.
Biết xa gần ấy biến thành chày Kim Cương Ngũ Trí theo mũi đi vào, khiến tràn khắp
thân của mình.

Tụng Chân Ngôn là:

“**Ān, tố ương-ma, phộc nhật-la**”

ॐ शश वज्र

OM _ SUKSMA VAJRA

_ Liên quán chày Kim Cương này, dần dần, rộng lớn dần, vòng khắp Pháp Giới Tụng Chân Ngôn này là:

“An, tāp-phả la, phộc nhật-la”

ॐ శస్త్ర వాజ్రా

OM _ SPHARA VAJRA

_ Lại tụng Chân Ngôn sau, dần thu lại, dần rút lại, ngang bằng với thân của mình. Chân Ngôn là:

“An, tāng hā la, phộc nhật-la”

ॐ శంఖ వాజ్రా

OM _ SAMHARA VAJRA

_ Lại dùng Chân Ngôn gia trì, khiến cho trụ bền chắc chẳng tan.

Chân Ngôn là:

“An, dān-lý trà, đế sất-xá, phộc nhật-la”

ॐ దాన తాష వాజ్రా

OM _ DRDHA TIŞTA VAJRA

Tiếp theo nhập vào Quán **Tứ Vô Lượng Tâm** (Catvāry-apramāṇāni)

_ Bắt đầu nhập vào **Tứ Vô Lượng Tâm Định**. Dùng Tâm **An Tịnh** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách (Noãn, thai, thấp, hóa) trong sáu nẻo, đều đủ **Như Lai Tạng** (Tathāgata-garbha), đầy đủ ba loại Thân Khẩu ý Kim Cương. Dùng sức Công Đức tu **ba Mật** (Tri-guhya) của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva).

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Từ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

“An, ma hā muội đát-la dạ, sa-phả la”

ॐ మా మాట్లా శస్త్ర

OM – MAHĀ-MAITRIYA SPHARA.

_ Tiếp nêu nhập vào **Bi Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **thương xót** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo đang bị chìm đắm nơi biển khổ sinh tử, chẳng tỏ ngộ Tâm của chính mình, vọng sinh phân biệt, khởi mọi thứ **Phiền Não** (Kle'sa) và **Tùy Phiền Não** (Upakle'sa). Chính vì thế cho nên chẳng đạt **Chân Như** (Bhūta-tathatā) bình đẳng như hư không siêu vượt hằng sa Công Đức.

Dùng sức tu ba Mật gia trì của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Àkà'sa-garbha-bodhisatva)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Bi Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**An, ma hạ ca lỗ noa dạ, sa-phả la**”

ॐ ମନ୍ଦ କରୁଣା ଶର

OM – MAHÀ-KÀRUNAYA SPHARA

_ Tiếp nén nhập vào **Hỷ Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm thanh tịnh duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo, xưa nay thanh tịnh giống như sự trong sạch của Tự Tính **chẳng nhiễm bụi bên ngoài** (Khách Trần) của hoa sen Tâm. Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokite'svara-bodhisatva)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Hỷ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**An, thuật đà bát-la mô ná, sa-phả la**”

ॐ ସୁଦ୍ଧ ପ୍ରାମୋ ଶର

OM – ‘SUDDHA PRAMODA SPHARA

_ Tiếp nén nhập vào **Xả Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm bình đẳng duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo. Đều lìa Ngã (Àtman), Ngã Sở (Mama-kàra), Uẩn (Skandha), Xứ (Àyatana), Giới (Dhàtu) với Năng Thủ (Gràhaka), Sở Thủ (Gràhya), bình đẳng nơi pháp, Tâm vốn chẳng sinh, Tính Tướng đều trống rỗng ('Sùnya:Không). Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Hư Không Khổ Bồ Tát** (Gagana-garja-bodhisatva hay Àkà'sa-garja-bodhisatva).

Quán như vậy xong, tụng **Đại Xả Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

“**An, ma hộ bế khất-sái, sa-phả la**”

ॐ ମନ୍ଦପ୍ରକ୍ଷଣ ଶର

OM – MAHÀ UPEKṢA SPHARA.

Người Du Già do tu tập **bốn Vô Lượng Tâm Định**, tụng **bốn Vô Lượng Chân Ngôn** nên ở đời vị lai, hết thảy mọi loại chướng nạn, Ma Nghiệp của Người Trời thảy đều trừ diệt. Trong thân gom chứa vô lượng nhóm Phước, Tâm được điều nhu, kham nhậm tự tại.

_ Hành Giả nén tu Pháp **A Tát Phả Na Già**. Người tu Pháp này, chẳng động chi tiết, ngưng hơi thở ra vào, khiến cho hơi thở nhỏ nhiệm, dừng để tán loạn. Liền nén

quán tất cả chư Phật ở hư không, giống như hạt mẻ tràn khắp mươi phương, dùng **Kim Cương Đàm Chỉ** (búng ngón tay) bảo Hành Giả rằng: “*Này Thiện Nam Tử ! Người hãy quán Bản Tâm*”

Hành Giả nghe xong, liền tưởng thân của mình lẽ bàn chân của chư Phật.

Biến Lẽ Chân Ngôn là:

“**An, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bá na, mān na nāng, ca lô nhī (2)**”

ॐ ଶର୍ଵା ତଥାଗତ ପାଦ ବନ୍ଦନା କରା ଉମି

OM – SARVA TATHÀGATA PÀDA VANDANÀM KARA UMI
Lẽ xong, quán sát kỹ lưỡng Bản Tâm tồi bạch với chư Phật rằng: “*Tưởng của Tâm không có Thể, Làm sao tu chứng ?*”

Chư Phật bảo Hành Giả rằng: “*Thiện Nam Tử ! Người quán vành trăng tại trái tim như ở trong sương mù mỏng*”. Liền tụng **Oánh Triệt Bồ Đề Chân Ngôn**, quán sát kỹ lưỡng vành trăng ở trái tim

Chân Ngôn là:

“**An, tức đa bát-la để phệ đặng, ca lô nhī**”

ॐ ଶର୍ଵା ସତିବେଦା କରା ଉମି

OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI
Hành Giả nên mỗi mỗi quán kỹ lưỡng rõ ràng, chẳng lâu sẽ thấy Tâm Bồ Đề thanh tịnh, lìa các bụi dơ, trong sạch như trăng đầy.

Liền tụng **Bồ Đề Tâm Chân Ngôn** là:

“**An, mạo địa tức đa mẫu đa-bả na dạ nhī**”

ॐ ବୋଧିଚିତ୍ତମ ଉତ୍ପାଦା ଯାମି

Tưởng trong vành trăng Bồ Đề có chữ **Đàm** (ଶର୍ଵା _DHAM) như màu vàng ròng, sáng rực như mặt trời, phóng ánh sáng lớn. Liền biến thành cây kiếm **Bát Nhã Ba La Mật**, lìa các phân biệt, hay chặt đứt phiền não

Trí Kiếm Chân Ngôn là:

“**An, để sắt-xá, khát nga**”

ॐ ତିଷ୍ଟା ଖାଦ୍ଗ

OM – TIṢṬA KHADGA

Tưởng cây kiếm Trí ấy dần dần tăng lớn lên vòng khắp Pháp Giới.

Chân Ngôn là:

“**Án , sa phả la khát nga**”

ॐ ସଫା ଖାଦ୍ଗ

OM – SPHARA KHADGA

Tưởng cây Kiếm Trí ấy dần dần thu nhiếp lại ngang bằng thân của mình.

Chân Ngôn là:

“Án, tăng hạ la, khát nga”

ॐ समरा खड्ग

OM – SAMHARA KHADGA

Vì khiến cho cây kiếm Trí bền chắc chẳng tan, lại tụng Chân Ngôn là:

“Án, niết-lý đồ, đế sắt-xá, khát nga”

ॐ द्रुहा तिष्ट खड्ग

OM – DRDHĀ TIṢṬA KHADGA

Tưởng Như Lai trong hư không nhập hết vào cây kiếm Trí đồng làm một Thể.

Tác suy tư này: “Như Thể Tính của chư Phật ấy, Ta cũng giống như vậy”.

Chân Ngôn là:

“Án, tam ma dụ hàm (1) ma hạ tam ma dụ hàm (2) tát phộc đát tha nghiệt
đá tỳ tam mạo địa (3) yết nga đa-ma cú hàm”.

ॐ समय अहम् महासमय अहम् सर्व गणगणसत्यत्वाशुद्धि

OM – SAMAYA UHAM, MAHĀ-SAMAYA UHAM – SARVA TATHĀGATA
ABHISAMBODHI KHADGA ATMAKA UHAM

Tưởng cây kiếm Trí ấy dần dần biến thành Văn Thủ Sư Lợi Đồng Chân Bồ Tát có
đủ uy đức lớn, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, trên đỉnh đầu tưởng có nǎm búi tóc, tay phải
cầm cây kiếm Trí, tay trái cầm hoa sen xanh, trên hoa có rương kinh Bát Nhã Ba La
Mật Đa, thân như màu vàng nghệ, tâm tụng **A la bả giả năng** (A RA PA CA NA)
một biến

_ Tiếp kết **Kim Cương Trí Kiếm Án**

Chỉ Quán (2 tay) cài chéo làm Mān Nguyệt (Kim Cương Ph襍)

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) đều dựng như cây kiếm



Án: tim với trán, họng, trên đỉnh

Liền thành Hộ Thân, bền Bản Tôn

Chân Ngôn là:

“Án, Phộc nhật-la để khất-ương-noa, địa sắt-xá sa-phộc hàm”

ॐ वज्रातिक्ष्ना अधिष्ठा स्वामम्

OM – VAJRA-TIKSNĀ ADHIṢṬĀ SVĀMAM

_ Tiếp kết Văn Thủ Ngũ Kế Án

Hai tay Chỉ Quán, cài chéo ngoài

Đàn (ngón út trái) Phương (ngón vô danh phải) Giới (ngón vô danh trái) Tuệ (ngón út phải) dựng như ngọn

Tiến (ngón trỏ trái) Nguyệt (ngón giữa phải) Nhẫn (ngón giữa trái) Trí (ngón cái phải) vịn đầu nhau

Hai độ: Thiền (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ phải) hợp đầu nhau

Nên tụng Căn Bản Diệu Chân Ngôn



Chân Ngôn là:

“Năng mạc tam mạn đà một đà nam (1) a bát-la để hạ đà xá sa năng nam (2)
Án, la la, sa-ma la, a bát-la để hạ đà xá sa năng (4) củ ma la, lõ bả đà lý nê (5)
hồng, phát tra, sa-phộc hạ (6)”

ॐ समर्त रुद्रसंस असतिहाता समर्पणं

ॐ रु रु श्रु रु असतिहाता समर्पणं कुमार रुपा द्वारानी श्रु

NAMAH SAMANTA-BUDDHÀNÀM APRATIHATA-'SASANÀNÀM

OM _ RA RA SMARA APRATIHATA-'SASANA KUMĀRA-RÙPA-DHÀRANÌ _ HÙM PHAT _ SVÀHÀ

_ Hành Giả tiếp kết Nhất Kế Án

Hai tay Định Tuệ, cài chéo trong

Hai độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) dựng như phuơng

Trụ nhau khiến tròn như kẽ tướng (tướng búi tóc)



Nhất Tự Chân Ngôn là:

“**Thể-lý-hứ-diêm**”



‘SRHYIM’

_ Hành Giả tiếp kết **Tam Kế Án**

Chỉ Quán (2 tay) mươi ngón hợp ngang tim

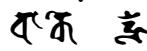
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Giới Phương (2 ngón vô danh) co vào chưởng

Khiến lóng giữa ấy đều trụ nhau



Tam Tự Chân Ngôn là:

“**Phộc kế hồng**”



VÀKE HÙM

_ Tiếp hợp Định Tuệ, chắp tay rỗng

Hoả Luân (ngón giữa) giao kết, giữ Thuỷ Luân (ngón vô danh)

Hai Phong (2 ngón trỏ) vòng co như Đại Không

Tướng ấy như móc (móc câu), thành Mật Án

Rồi dùng để khắp chi phần mình

Như thế tu hành mọi sự nghiệp



Đại Thánh Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát Pháp Thân Căn Bản Chân Ngôn là:

“Na mô tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dụ, la-hạt tỳ-duyết (1) Án, củ ma la lõ bỉ
nê vĩ thấp-phộc (2) tam bà phộc (3) a nghiệt tha, nghiệt sai (4) la hộ, la hộ (5) bội
lõ-án, hồng hồng (6) hồng năng nhĩ ca (7) mạn tổ thất-lý dã, tổ thất-lý dã (8) đá la

dã hàm (9) tát phộc nậu khế tỳ-dược, phát tra, phát tra (10) xả ma dã, xả ma dã, (11) a mật-lật đố nạp-bà phộc (12) bá bán tỳ nǎng xả dã, sa-phộc hạ (13)”

एम सर्व गणगत्तुक्तिरुः अंति क्षमा रुप्यलं अस्मि संदर्भ सर्व
गत्तु दृष्टिक्षम्य अनुभव अनुभव अनुभव अनुभव अनुभव
दृष्टिक्षम्य अनुभव अनुभव अनुभव अनुभव अनुभव

NAMO SARVA TATHAGATEBHYU-ARHATEBHYAH _ OM KUMÀRA-RÙPINI VI'SVA SAMBHAVA AGACCHA-GACCHA _ LAHU LAHU_ BHRÙM HÙM HÙM _ HÙM NÀDIKA_ MAMJU'SRÌ SU'SRÌYA TÀRÀYA MAM _ SARVA DUHKHEBHYAH PHAT PHAT _ 'SAMÀYA 'SAMÀYA _ AMRTA-UDBHAVA _ PÀPAM VINÀ'SAYA _ SVÀHÀ

_ Tiếp nêu Quán Đỉnh, kết **Bảo Ăn**

Hai tay cài chéo tác làm Nguyệt (Kim Cương Phộc)

Tiến Lực (2 ngón trỏ) ngược co như hình báu

Hai độ Thiên Trí (2 ngón cái) vịn bên dưới

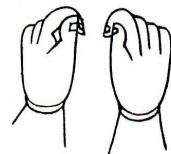
Để ở hai bên trên vầng trán



Liền kết Trí Quyền như buộc lụa

Hai tay hướng trước từ từ buông

Nên biết dùng cột lụa Vô Cấu (không dơ)



Chân Ngôn là:

“An, phộc nhât- la, la đát-nǎng, ma la (1) tỳ sai kế la (2) tỳ săn tǎ sa-phộc hàm (3) tát phộc mẫu nại-la minh (4) niết-lý trĩ, củ lõ (5) phộc la, ca phộc tế na, tông”

ॐ वज्रारत्न माला अभिशेका अभिशिम्चा स्वामाम्
सर्वा मुद्रानि द्रधा कुरु वारा कवाचेदा वाम्

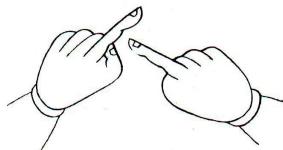
_ Tiếp kết **Bảo Kiếm** tự quán đỉnh

Chấp hai tay lại, co Tiên Lực (2 ngón trỏ)
Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào lòng bàn tay
Để ở hai bên trên vầng trán



Quán Đỉnh Chân Ngôn là:
“Án, la đát-năng, cú xá ngạt-lý-dã, hồng”
ॐ ରତ୍ନକୁଷା ଅଗ୍ର୍ୟା ହୁମ

_ Tiếp lại kết ở **Giáp Trụ Án**
Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
Để trước trái tim, dựng Tiên Lực (2 ngón trỏ)

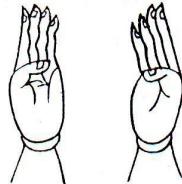


Hai ngón trái phải, tưởng **Án** (ॐ_OM), **Châm** (ଶ_TUM)
Tưởng tuôn Thanh Quang (ánh sáng xanh) làm màu lục (xanh lục)
Trước tim, quấn ba lần, sau lưng
Lại đến dưới rốn, hai đầu gối
Lại chuyển đến rốn, quấn sau eo
Từ eo đến tim, chuyển hai Bạc (bắp tay)
Từ Bạc (bắp tay) đến họng, hướng sau cổ
Lại từ sau cổ đến trước trán
Từ trán đến não, kết Trí Quyền
Từ từ buông xuống như rũ dai
Chỉ Quán (2 tay) xoay chuyển như thế múa
Hai tay cài chéo thành Mân Nguyệt (Kim Cương Phôc)

Giáp Trụ Chân Ngôn là:
“Án, phôc nhật-la ca phôc tả (1) phôc nhật-lý, củ lõ (2) phôc nhật-la, phôc
nhật-la, hàm (3)

ॐ ବାଜ୍ରାକାଵାଚ ବାଜ୍ରେ କୁରୁ ବାଜ୍ରା ବାଜ୍ରଦା ହମ

_ Tiếp bày Nghi **Kim Cương Phách Chuởng**
Hai tay ngang bằng, vỗ ba lần



Do bày **Phách Ấn kèm Chân Ngôn**
Hay khiến Thánh Chúng phát vui vẻ
Mau được Bản Tôn Hoan Hỷ Thể
Hoan Hỷ Chân Ngôn là:
“Ấn, phộc nhật-la đẽ, khất-sử-noa, đổ sử-dã, hộc”
ॐ ଦକ୍ଷରିତ୍ତ ତୁଶ୍ୟ ହୋ
OM – VAJRA-TÌKṢNA TUŠYA HOH

_ Tiếp kết **Đại Hải Ấn**
Hai tay cài chéo trong
Ngửa chưởng ngang với rốn
Thiền Trí (2 ngón cái) hơi cùng trụ



Chân Ngôn là:
“Ấn, Vĩ ma lộ ná địa hồng”
ॐ ବିମାଲା ଉଡାଧି ହୁମ୍
OM – VIMALA UDADHI HUM

_ Định Tuệ (2 tay) mươi ngón cài chéo trong
Kèm đựng hai cánh tay, hợp khuỷu
Ngang tim đựng thẳng, tụng Chân Ngôn
Đây tên **Diệu Cao Bảo Sơn Ấn**



Chân Ngôn là:

“An, a tǎ la hōng”

ॐ ଅକାଳ ହୁମ୍

OM – ACALA HÙM

_ Tiếp kết **Kim Cương Luân Đại Án**

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đàn Tuệ (2 ngón út) trợ móc nhau

Như Đàn Trường ấy, thân bốn chỗ



Chân Ngôn là:

“An, phöc nhät-la, chước cật-la, hōng”

ॐ ବାଜରା କାକ୍ରା ହୁମ୍

OM – VAJRA-CAKRA – HÙM

_ Tiếp kết **Tứ Nhiếp Án**

Nên tụng **Tứ Tự Minh**

“Nhuợc hồng tông hộc”

ଜାହ୍ ହୁମ୍ ଵାମ୍ ହୋହ୍

JAH HÙM VAM HOH

_ Lại kết **Kim Cương Biến Nhân Án**

Chỉ Quán (2 tay) hoà hợp cài chéo ngoài

Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong lòng tay

Trình Án hay khiến Đại Thánh hiện



Chân Ngôn là:

“Phöc nhät-la, đê khất-sủ-noa, ác”

ଓମ ବାଜରା ତିକସନା ଆହ୍

OM – VAJRA-TÌKSNA AH

_ Chẳng giải Án trước, tụng Chân Ngôn

Hay khiến Hành Giả thấy rõ ràng
Chân Ngôn là:
“Phộc nhật-la, để khất-sử-noa, đān-lý xả-dā”
ଦ୍ଵାରା କୁଣ୍ଡଳ
VAJRA-TÌKṢNA DR‘SYA

_ Lại kết Tam Ma Gia
Kim Cương Kiếm Đại Ań
Xưng tụng Chân Ngôn sau
Ta ngang bằng Bản Tôn
Chân Ngôn là:
“Tam ma dụ hám (1) ma hạ tam ma dụ hám (2)”
ମହାମହାମହାମହା
SAMAYA UHAM, MAHÀ-SAMAYA UHAM

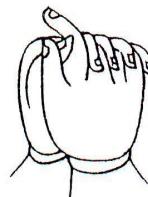
_ Tiếp kết Tứ Thu Mật
Tụng câu Kim Cương này
**“An, phộc nhật-la đát đát-phộc tăng ngặt-la hạ (1) phộc nhật-la, la đát-năng
ma nỗ lâm, (2) phộc nhật-la đạt ma nga dã nãi (3) phộc nhật-la yết ma ca lỗ bà
phộc”**

_ Tiếp dùng Tứ Tự Minh
Như trước, như bốn chõ
“Nhược hồng tông hộc”
ଜାହ ହୁମ ବାମ ହୋହ
JAH HUM VAM HOH

_ Tiếp dùng Kim Cương Vương
Triệu tập các chúng Thánh
Chân Ngôn là:
“An, phộc nhật-la tam ma nhạ, nhược”
ଓ ଦ୍ଵାରା ମହା ରା
OM – VAJRA SAMAJA_ JAH

_ Tiếp nên Hành Giả ngồi, Quán trước
Hoa sen tám cánh đủ râu nhụy
Trên quán Tòa Sư Tử Diệu Cao

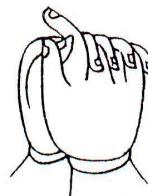
Trên Tòa lại có lầu bảy báu
 Trong tưởng hoa sen vua bảy báu
 Trên tưởng chữ **Đàm** (᳚_DHAM) đủ uy quang
 Chiếu khắp Pháp Giới lướt vòng hết
 Chữ ấy biến làm **Kim Cương Lợi** (VAJRA-TIKSHNA)
 Mỗi mỗi đế quán như hình gốc (bản hình)
 Triệu thỉnh Bồ Tát, tưởng vào thân
 Hai tay tác Nguyệt (Kim Cương Phật), Tiến (ngón trỏ phải) như câu (móc câu)
 Tưởng thân đồng với Bồ Tát ấy



_ Tiếp kết Kim Cương Câu Đại Án

Nhất Thiết Như Lai Thỉnh Triệu Trí

Định Tuệ (2 tay) hoà hợp cài chéo ngoài
 Tiến Độ (ngón trỏ phải) như móc, co ba lần



Kim Cương Câu Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Án, a dạ hứ, nhược”

ଓ ମ୍ୟାହି ଜାହ

OM – À YAHÌ JAH

_ Tiếp kết Kim Cương Sách Đại Án

Dẫn vào Tôn Thân, thành Trí Thể

Án trước, Thiên Độ (ngón cái phải) vào Định Chưởng (lòng bàn tay trái)
 Lực (ngón trỏ trái) Trí (ngón cái trái) vịn nhau như vòng

_ Tiếp ngay kết Sách (Pà'sa) vào Tôn Thân

Kết Nguyệt Thiên, Thần Trí vào chưởng (lòng bàn tay)



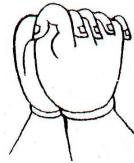
Do Mật Án này gia trì nên
Biển làm một Thể không có khác
Kim Cương Sách Chân Ngôn là:
“Án, A hứ hồng hồng”
ॐ - अहि हुम् हुम्
OM -ÀHI HÙM HÙM

_ Tiếp kết **Kim Cương Câu Toả Án**
Hay khiến Bản Tôn trụ bền chắc
Thiền Trí (2 ngón cái) Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng móc kết
Đây tên **Kim Cương Năng Chỉ Án**
_ Tiếp ngay Toả Án khiến bền chắc
Tác Nguyệt (Kim Cương Phộc) bốn ngón giống như vòng



Do Uy lực của Mật Án này
Đều khiến bền chắc mà chẳng biến
Kim Cương Tỏa Chân Ngôn là:
“Án, hệ tát-phổ tra, hàm”
ॐ - अ श्वरा द
OM – HE – SPHOTA – VAM

_ Tiếp kết **Kim Cương Diệu Thanh Án**
Hay khiến chúng Thánh đều vui vẻ
Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương Phộc
Đây tên **Kim Cương Hoan Hỷ Án**
_ Tiếp kết **Linh Án** khiến vui vẻ
Thiền Trí vào Chuồng (lòng bàn tay) như chuông nhỏ (linh đạc: chuông lắc tay)



Khiến Tôn với Chúng đều vui vẻ
Gia trì khiến mau Diệu Thành Tựu
Kim Cương Linh Chân Ngôn là:

“Án, kiện tra, ác ác”

ॐ घमता अह अह

OM -GHAMTA _ AH AH

_ Hành Giả tiếp nén dùng hai tay bưng **Át Già** (Argha) tưởng tẩy rửa bàn chân của Đại Thánh **Kim Cương Lợi Bồ Tát** với các quyền thuộc.



Hoặc dùng **Bách Tự Chân Ngôn** gia trì Át Già rồi **hiến Át Già** Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-lô na ca, hồng”

ॐ वज्रादक हूम

OM _ VAJRA- UDAKA HUM

_ Tiếp kết **Văn Thủ Yết Ma Ẩn**

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền

Định Vũ (tay trái) đeo ngay trên trái tim

Tuệ Vũ (tay phải) giống như thế cầm kiếm



Do sức Yết Ma Diệu Ẩn này

Thân ngang đồng Tôn không có khác

Yết Ma Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la đeo khất-xoa-noa, dàm”

ॐ ବାଜ୍ରାତିକ୍ଷନା ଧାମ
OM – VAJRA-TÌKṢNA DHAM

_ Tiếp kết **Kim Cương Lợi Kiếm Án**
Phật Án, Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) duỗi như Kiếm.



Do Diệu Án này gia trì, nên
Sẽ được Trí Bát Nhã thâm sâu
Kim Cương Lợi Kiếm Chân Ngôn là:

“Án, náu khư thủ na”

ॐ ଦୁଃଖ ଛେଦ

OM – DUHKHA CCHEDA

_ Tiếp kết **Thanh Liên Hoa Diệu Án**

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đàm Tuệ (2 ngón út) hợp Diệu Tràng (cây phuơng
màu nhiệm)

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) đều buộc lưng Giới Phương (2 ngón vô danh)

Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều co, vịn Thiền Trí (2 ngón cái)



Thanh Liên Hoa Chân Ngôn là:

“Án, ác vị la hồng, khư tả lộ”

ॐ ଅହ ବିରା ହୁମ ଖାଚାରାହ

OM AH VIRA HUM KHACARAH

_ Tiếp kết **Khổng Tước Vương Toạ Án**

Hai tay Định Tuệ cài chéo trong
Kèm dựng Đàm Tuệ (2 ngón út) như cái đuôi
Thiền Trí (2 ngón cái) cùng hợp, giống cái đầu



Khổng Tước Vương Toạ Chân Ngôn là:

“Năng mô một đà dã, năng mô đạt ma dã, năng mô tăng già dã. Đát nẽ-dã
tha: hô, hô, hô, hô, hô, hô, sa bà ha”

宿夜 景清^{トス}宿夜 宿夜^{トモトス}宿夜 楽^{トコトス}宿夜^{トモトス}宿夜^{トモトス}宿夜^{トモトス}宿夜^{トモトス}

NAMO BUDDHÀYA _ NAMO DHARMÀYA _ NAMO SAMGHÀYA_
TADYATHÀ: HU HU HU HU HU HU SVÀHÀ

Tiếp kết Hy Hý Nôi Cúng Dường

Ngoại Phôc, kèm Thiền Trí (2 ngón cái) vin Tiến (ngón trỏ)



Do sức Án này giá trị, nên

Mau mân *Dàn Na Ba La Mât* (Dàna-pàramitâ:Bố Thí Ba La Mât Đa)

Kim Cương Hy Hý Chân Ngôn là:

“Án, ma ha la đẽ”

ଓঁ মনো

OM - MAHÀ RATI

Tiếp kết **Kim Cương Man Cúng Đường**

Y Hy Hý trước, thảng cánh tay



Do kết án này giá trị, nên

Sẽ mãn *Tinh Giới Ba La Mật* ('Sìla-pàramitā')

Kim Cương Man Chân Ngôn là:

“Án, lõ ba thú tỳ”

ॐ रुपा

OM – RUPA ‘SOBHE

_ Tiếp kết **Kim Cương Ca Vịnh Án**

Man (vòng hoa) đeo ngang miệng, bung xuống dưới



Do kết Kim Cương Ca Vịnh Án

Mau được *An Nhãn Ba La Mật* (Kṣānti-pàramitā)

Kim Cương Ca Vịnh Chân Ngôn là:

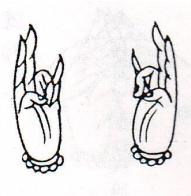
“Án, thú-lõ đát-la táo khê”

ॐ सोत्रा

OM – ‘SOTRA SAUKHYE

_ Tiếp kết **Kim Cương Vũ Cúng Dường**

Hai tay xoay quyền như thế múa



Do kết Vũ Án, sức gia trì

Mau mãn *Tinh Tiến Ba La Mật* (Vīrya-pàramitā)

Kim Cương Vũ Chân Ngôn là:

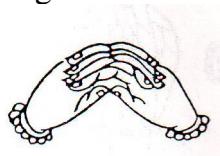
“Án, tát phộc bố nhĩ”

ॐ सर्वा

OM – SARVA PUNYE

_ Tiếp kết **Kim Cương Ngoại Cúng Dường**

Phộc Án ngang tim, hướng dưới bung



Do sức kết **Thiêu Hương Ăn** nén

Sẽ chứng *Tĩnh Lự Ba La Mật* (Dhyāna-pàramitā: Thiền Định Ba La Mật Đa)

Kim Cương Thiêu Hương Chân Ngôn là:

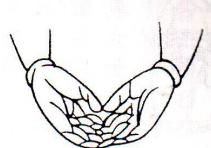
“**Án, bát-la hạ-la nê ninh**”

ॐ ଶର୍ଵାରା

OM -PRAHLA DINI

_ Tiếp kết **Kim Cương Tán Hoa Ăn**

Phộc Ăn ngửa giải, như rải hoa



Do kến Tán Hoa Ăn gia trì

Mau chứng *Bát Nhã Ba La Mật* (Prajñā-pàramitā)

Kim Cương Tán Hoa Chân Ngôn là:

“**Án, bát la nga mê**”

ॐ କଲ୍ପାରାମ

OM -PHĀLA GAMĪ

_ Tiếp kết **Kim Cương Đăng Minh Ăn**

Ngoại Phộc, Thiên Trí (2 ngón cái) hợp như phuong



Do kết Kim Cương Đăng Minh Ăn

Sẽ được *Phương Tiện Ba La Mật* (Upāya-pàramitā)

Kim Cương Đăng Minh Chân Ngôn là:

“**Án, tô đế nhẹ ngặt-lý**”

ॐ ଶୁତେଜା

OM -SUTEJA AGRI

_ Tiếp kết **Kim Cương Đồ Hương Ăn**

Nguyệt (Kim Cương Phộc) ngang ngực rải như xoa hương



Do kết Đồ Hương Án gia trì
Mau mãn *Thệ Nguyên Ba La Mật* (Praṇidhāna-pàramità)

Kim Cương Đồ Hương Chân Ngôn là:

“Án, tô hiến dāng nghī ”

ॐ सुगन्धा अंगि

OM –SUGANDHA AṄGI

_ Người tu hành tiếp nén tụng **Đại Thánh Văn Thủ Sư Lợi nhất bát bách danh** tán dương vô lượng Công Đức của Bản Tôn với chúng Thánh.

Tán là:

- 1_ Y sai cù ma la, bá la la-tha nga đá nam
- 2_ Tất địa ma nhạ dã, đà lộ ca hứ đá nam
- 3_ Thất-nghi duệ tỷ, tát phộc hứ đế nhạ nga đế, bát-la nê đá lệ
- 4_ Thuật đà đổ ninh hiệt-xá đổ mô khất-sái, vĩ nỗ nam
- 5_ Tất đế-dã na dạ khất-sái ma vĩ lý-diễn phộc hứ đà, tức đá
- 6_ Mỗi đát-la, la sa na na năng la đá duệ
- 7_ Tất địa bà phệ sa na đế số nhạ ninh số năng nương yết mai tả năng
- 8_ Tất địa mẫu bế lệ
- 9_ Mãn đát-la phộc lệ sa na đổ sắt-trí la đá duệ
- 10_ Xá na ninh cật-la, đà lệ đát tha mãn tộ đà lệ phộc
- 11_ Đạt la-sái dī ma la, bát-la vạt đà dī chước cật-lam
- 12_ Tố bỉ la tả cật-la đà lõ, y hạ dục cật-đa
- 13_ Phộc tả nẽ nhī-dã ma nõ tỳ la ma duệ tả
- 14_ Phộc lý xá toản đổ vĩ phộc nhī đà ninh đế-dã
- 15_ Niệp nhī-dã ma nõ la ma yết noa tố khu tả
- 16_ Tất-lệ ma nê dạ ma độ la, a nõ củ la
- 17_ Tức đà ma hạ la na ninh táo xí-dã, bát-la na tả
- 18_ Mãn tộ lý đế sa mẫu nẽ la dã mẫu đà
- 19_ Duệ tả năng xá chỉ-dã, bát-la sa phộc ma nhạ nan
- 20_ Đế chuỷ đát tha nghiệt đà, chí-nhương năng, vĩ thế sai
- 21_ Đế số tố đà đát tha bộ nhī, bát-la vĩ sắt-tra
- 22_ Niệp nhī-dã bát cật-la sắt-tra, đát tha nghiệt đà, tăng xí-dã
- 23_ Đế chuỷ tố lệ thấp-phộc la, lôca, bát la bà phộc ma nhạ năng ma lạc chỉ-dã
- 24_ Lõ ty-dã, a lõ ty-dã, đát tha, a tha bộ ma
- 25_ Ca nhī năng, niệp nhī-dã ninh-lý nhạ
- 26_ Ma nõ nhạ phộc dụ nghī năng

- 27_ Tất địa nghiệt đá đát tha lộ kế
- 28_ Tất phộc vĩ thuỷ sắt-tra, đát tha nă̄ng la, mục xí-dā
- 29_ Tất đát phộc ma táo nhương sa vĩ nẽ-dā để yết thất-chất
- 30_ Dụ bát-la để nhạ ninh đổ đát tả thất-lý dạ duệ
- 31_ È sai thất-lý được, bả lý yết lạp-chuỷ đát đổ tỳ-diêm
- 32_ Mạn tộ lý để bát-la để nhạ ninh đổ
- 33_ Một đà, mạn tộ thất-lý diệp bả lý yết lạp-chuỷ đát đổ tỳ-diêm
- 34_ Nă̄ng ma nhī diễn đát tha bố la-phộc nhī ninh tỳ
- 35_ È sai cật-lý đá, đa phộc tăng chỉ-nê đa yết lạp bế
- 36_ Niệp nhī-dā, ma nă̄ng nga đà,
- 37_ Một đà ma để rái
- 38_ Nă̄ng ma thất-lỗ nê diệp, bả lý sa-đa phệ thuật độ
- 39_ Nă̄ng nương ma nő bà vĩ, è ca ma nő phộc
- 40_ Đát tả, y diễn thuỷ phộc phiến để, bà phệ diêm
- 41_ Mạo địa, phộc la bà vĩ, a ngặt-la vĩ thuỷ sắt-tra
- 42_ Mân đát-la, a thếさい đổ, tất địa bà phệ dạ
- 43_ Ốt đà ma, dụ ninh nga để, bát-la để lệ bệ
- 44_ Ốt đà ma, đạt ma tam thất-la dī ninh nguyện
- 45_ Vĩ cận-nă̄ng, vĩ phộc nhī đà, tất địa bà phệ dā
- 46_ Chỉ tất-tất đà, mân đát-la, bát-la sa đà dī đát tông
- 47_ Khất-sái bất-lỗ sa nghiệt lạc để, mạo địa nột mẫn nại lam
- 48_ Lạp tả để, mạo địa nghiệt thuỷ, mẫu ninh mục toàn-dữu
- 49_ Nghiệt đát-phộc ninh sử na để, tát đát-phộc, hứ đát la-tham
- 50_ Một địa-dā để, mạo địa bát-la vạt đà dī tả cật-lam
- 51_ È sai ngu noa ca thế đố nhī nă̄ng mục khế
- 52_ Mạn tộ thất-lý diễn đát-phộc dī tăng sa-ma lý nă̄ng hàm
- 53_ A tiến để-dā, ngu noa ca thế đá nhī nă̄ng mục khế
- 54_ Nại thuỷ đổ ninh để-dā, bát-la bà phộc đát-phộc nẽ diêm
- 55_ Bố la-phộc nga tát phộc thiết đáy nhī nă̄ng mục khế
- 56_ Yết lạp-bả bà nai dā ma thước chỉ-dā ma tăng khế
- 57_ Mân đát-la nghiệt đá đà phộc, thuật đà củ ma la
- 58_ Mạn tộ thất-lý diễn đà phộc, mân đát-la tả lý diêm
- 59_ Bà sử đà tát phộc ma thếさい ca một đai
- 60_ È sai, củ ma la tha tát phộc nga đà phệ
- 61_ Xá sa nă̄ng đổ tỳ-dā nă̄ng lô đà ma địa la
- 62_ Thuật đà, phộc sa ninh ninh sát la-noa nhī nă̄ng phệ
- 63_ Tất đát-phộc ma thếさい đà duệ, y hạ tán đá

64_Năng cật-la nhĩ mān đát-la đát-phộc nē dā ca na tân đa

65_Năng bỉ yết thản tử hứ duệ đa phộc, mān đát-la nhĩ đē

Hành Giả tụng Tán Thán xong, kết Căn Bản Đẳng Án gia Tự Thân, tưởng đồng với Diệu Cát Tường Bồ Tát. Chẳng giải Án này, tụng **Kim Cương Bách Tự Chân Ngôn**

Giả sử trong đời quá khứ đã gây tạo mọi loại nghiệp ác, tất cả tội chướng của nhóm năm Vô Gián...Do Bách Tự Chân ngôn này gia trì, cho nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt, thấy thân được **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội**

Nếu Tâm tán loạn, đếm tụng Chân Ngôn hoặc bảy, 21 cho đến 108 biến sê mau cùng với Tam Muội tương ứng

Bách Tự Chân Ngôn là:

“**Ān, khát nga tát đát-la** (1) **tam ma dā ma nō bá la dā** (2) **khát nga tát đát-phộc** (3) **đát phệ nō bả đē sắt-xá** (4) **niết lý-trạc minh bà phộc** (5) **tố đổ số minh bà phộc** (6) **a nō la cật-đổ minh bà phộc** (7) **tố báo số minh bà phộc** (8) **tát phộc** (9) **tát địa-dâm minh, bát-la duệ tha** (10) **tát phộc yết ma tố tả minh** (11) **tát phộc đát tha** (12) **nghiệt đa** (13) **khát nga, ma, minh, môn tả** (14) **khát nghĩ bà phộc, ma hạ tam ma dā, tát đát-phộc, Āc** (15)”

ॐ खद्गसत्वा समयमनुभव्य खद्गसत्वा अनुभव्य दृश्य अनुद शुभ्यु
अनुद मरुक्त अनुद शुभ्यु अनुद मरुक्त अनुद मरुक्त मरुक्त मरुक्त मरुक्त
मरुक्त शुभ्यु तुरुक्त दृश्य दृश्य दृश्य दृश्य दृश्य दृश्य दृश्य दृश्य दृश्य

OM -KHADGA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – KHADGA-SATVA TVENA UPATIṢṭA – DṛḍHO ME BHAVA- SUTOŚYO ME BHAVA- ANURAKTO ME BHAVA- SUPUŚYO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ‘SRÌYAM KURU HÙM HA HA HA HA HOH – BHAGAVAM – SARVA TATHÀGATA KHADGA, MÀ ME MUMCA _KHADGI BHAVA- MAHÀ SAMAYA SATVA- ÀH

Chân Ngôn này có uy lực lớn. Người tu hành, giả sử phạm **Tam Muội Gia** (Samaya), quán niệm chẳng theo thứ tự, hoặc hôn trầm trao cử, đã phạm lối lầm. Do đếm tụng Chân Ngôn này gia trì cho nên hay khiến Hành Giả đầy đủ Công Đức *Thượng Phẩm* phụ cho chỗ phạm lúc trước chẳng thành lối; tăng ích cho uy lực, mau tương ứng với Tam Ma Địa

Chẳng bung Án lúc trước, quán kỹ lưỡng phía trước mặt có Bản Tôn với tưởng thân của mình như Bản Tôn không có khác, mỗi mỗi quán kỹ lưỡng, hiểu rõ ràng. Lại nên để Án này ngang trái tim, liền tụng **Ngũ Tự Đà La Ni** là:

“**A la bả tả năng**”

मृप्रण

A RA PA CA NA

Người tu hành dùng Kim Cương Ngũ, hoặc Liên Hoa Ngũ mỗi mỗi hiểu rõ ràng. Tụng Ngũ Tự Chân Ngôn này bảy biến hoặc 21 biến gia trì bốn nơi, rồi bung tán Án trên đỉnh đầu

_ Liền lấy tràng hạt cuộn tròn ở trong lòng bàn tay, dùng **Thiên Chuyển Chân Ngôn** gia trì bảy biến

Chân Ngôn là:

“**An, phật nhật-la ngục tú-dã, nhạ bả, tam ma duệ, hồng**”

ॐ वज्रा गुह्या जपा समये हूम्

*) OM – VAJRA-GUHYA JĀPA SAMAYE HŪM

Sau đó hai tay cầm tràng hạt để ngang trái tim, trụ **Bản Tôn Tam Ma Địa**, niệm tung chẵng chậm chẵng gấp, hoặc 108 biến, hoặc một ngàn cho đến một vạn...Niệm tung số xong, hai tay nâng tràng hạt, an ở trên đỉnh đầu. Sau đó để lại chỗ cũ (bản xứ)

_ Nếu **Tam Ma Địa Niệm Tụng**, Ngang trái tim, quán **Đại Viên Kính Trí** bên trong bày 5 chữ mỗi mỗi quán kỹ lưỡng, tuỳ theo nghĩa tương ứng, Tâm hợp với Bát Nhã Ba La Mật. Đây gọi là **Tam Ma Địa Niệm Tụng**

_Nếu thân mệt mỏi, liền kết **Bản Tôn Kiếm Án** tụng Ngũ Tự Chân Ngôn bảy biến. Lại dùng **tám Đại Cúng Đường** cúng đường chư Phật, dùng **âm từ màu nhiệm** xứng dương khen ngợi, **hiến nước At Già**, dùng **Giáng Tam Thế Án** xoay theo bên phải để **giải Giới**.

Liền kết **Kim Cương Lợi Kiếm Án** phụng tống các Thánh đều quay về Bản Cung.



Phát Khiển Chân Ngôn là:

“**Án, cật-lý đố phật (1) tát phật tát đát-phật la-tha (2) tất địa nại đá (3) duệ tha, nõ nga nghiệt sai đà-tông, mẫu đà vĩ sai diêm (5) bồ năng la nga (6) ma năng dã đổ. Án, phật nhật-la để khất-sử-noa, mục**”

ॐ अग्नः सदसूर्यं भूत्तिर्यामक्षं एवत्पद्यं पराम
गद्यु ओ दक्षिण्डु शः

OM – KṚTOVAH, SARVA SATVA ARTHA SIDDHIRDATTA YATHA ANUGĀGACCHATHAM BUDDHA-VIṢAYAM PUNARĀGAMANĀYATU – OM – VAJRA-TĪKSNA MUH.

Tác Pháp này xong. Lại dùng **Tam Muội Gia** Ấn tụng Gia Trì Chân Ngôn đem ấn bốn nơi, sau đó Quán Đỉnh, mặc giáp trụ Kim Cương.

Y theo truớc bốn lẽ, lẽ Phật ở bốn phương, Sám Hối, Phát Nguyện....

Sau đó y theo nơi nhàn tĩnh, nghiêm dùng hương hoa, trụ **Bản Tôn Tam Ma Địa**, đọc tụng **Phương Quảng** (Vaipulya), tất cả Kinh Diển **Đại Thừa** (Mahā-yāna), Đại Phẩm của Đại Bát Nhã cho đến Văn Thủ Bát Nhã.....rồi tùy ý **kinh hành** (Cañkramana)

Bát Nhã Đại Phẩm với hai chữ

Ngày đêm bốn thời tinh tiến tu

Đời này chứng được **Hoan Hỷ Địa** (Pramiditā-bhūmi)

Mười sáu đời sau thành Chính Giác.

Văn Thủ Sư Lợi Phẫn Nộ Chân Ngôn là:

“Ấn, phật nhật-la để khất-sử-noa, câu lõ đà, thân na, hòng phán tra”

ॐ वज्रातिक्ष्णा क्रोद्धा क्षिंदा हृष्टा

OM VAJRA-TĪKSNA KRODHA_CCHINDA _ HÙM PHẬT

Dùng Chân Ngôn này: Hộ Thân, Tịch Trừ, Kết Giới, tịnh các hương hoa với tất cả vật cúng... đều được

Nguyên cho chúng sinh gặp **Giáo** này

Văn Thủ (Mamju’srī) thường làm Thiện Tri Thức

Mau chứng Trí Bát Nhã khéo léo

Mau thành Vô Thượng Lưỡng Túc Tôn

VĂN THÙ SU LỢI BỒ TÁT NGŨ TỰ DU GIÀ CHÂN NGÔN NGHI QUÝ
MỘT QUYẾN (Hết)

(Kèm thêm một Chân Ngôn phụ theo bày ra)

02/06/2011